TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11-AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31-12-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Dứt và bà Nguyễn Thị Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-An Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025, về việc "tranh chấp về ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 342/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh ngày 01/6/1996; số căn cước công dân: 087196017320; địa chỉ: ấp L, xã L, tỉnh An Giang; có văn bản xin vắng mặt;

2. Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh ngày 25/8/1992; số căn cước công dân: 089092025499; địa chỉ: ấp A, xã H, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày: Bà H và ông Lê Văn N do mai mối, tìm hiểu đến hôn nhân vào năm 2014, gia đình hai bên có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. huyện C, tỉnh An Giang, giấy đăng ký kết hôn số 147/2014 ngày 21/8/2014. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, chồng vô tâm luôn bỏ bê vợ con, luôn trọng bạn, bà H đã cho thời gian hàn gắn, thay đổi nhưng mấy năm qua ông N vẫn không thay đổi, nên đã ly thân hơn 06 tháng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không không kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu ly hôn với ông N; Về con chung: có 02 người con chung tên là Lê Phát T, sinh ngày 16/12/2014, Lê Phát N1, sinh ngày ngày 05/9/2018, con chung hiện đang sông với bà H. khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Lê Văn N không gửi ý kiến cho Tòa án, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị H khởi kiện vụ án tranh chấp về ly hôn với ông Lê Văn N. Ông N có nơi cư trú trên địa bàn xã H, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Bà Trần Thị H, có đơn xin vắng mặt; ông Lê Văn N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Trần Thị H và ông Lê Văn N là hợp pháp vì ông bà có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà sống không hợp nhau, theo nguyên đơn trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, chồng vô tâm luôn bỏ bê vợ con, luôn trọng bạn, bà H đã cho thời gian hàn gắn, thay đổi nhưng mấy năm qua ông N vẫn không thay đổi, nên đã ly thân. Hội đồng xét xử thấy rằng bà H xin ly hôn với ông N, bà H, ông N sống chung với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, chính vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho nên Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị H xác định vợ chồng 02 người con chung tên là Lê Phát T, sinh ngày 16/12/2014, Lê Phát N1, sinh ngày ngày 05/9/2018, con chung hiện đang sông với bà H. khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, con chung, đang được bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Đồng thời, theo biên bản ghi ý kiến của các cháu, các cháu có nguyện vọng được sống cùng với bà H trong trường hợp bà H, ông N ly hôn. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp các cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu Lê Phát T và cháu Lê Phát N1 cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Bà Trần Thị H khởi kiện xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[6] Về nợ chung: Bà Trần Thị H khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

[7] Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

1) Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị H ly hôn với ông Lê Văn N.

2) Về con chung: Bà Trần Thị H được tiếp tục nuôi 02 con chung là Lê Phát T, sinh ngày 16/12/2014, Lê Phát N1, sinh ngày ngày 05/9/2018. Ông Lê Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Văn N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3) Về tài sản chung và về nợ chung: Bà Trần Thị H khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

4) Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003937 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Trần Thị H đã nộp đủ.

5) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND kgu vực 11-An Giang;;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Hội An, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hùng